

Số: 04 /BC-TTN

Bình Định, ngày 29 tháng 01 năm 2013

**BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ
(Năm 2012)**

Công trình: Cấp nước sinh hoạt huyện Phù Cát

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

I- Nội dung báo cáo:

1. Tình hình thực hiện dự án:

1.1. Tiến độ thực hiện dự án: Từ năm 2011-2013.

Trong đó:

- Công tác lập Dự án đầu tư xây dựng: Năm 2008
- Công tác GPMB và tái định cư: Năm 2010
- Công tác đấu thầu tư vấn giám sát, xây lắp và mua sắm thiết bị của các gói thầu thuộc công trình cấp nước sinh hoạt huyện Phù Cát được thực hiện từ tháng 02/2011 đến tháng 11/2012
- Công tác hợp đồng tư vấn giám sát, xây lắp và mua sắm thiết bị các gói thầu thuộc công trình cấp nước sinh hoạt Phù huyện Phù Cát thực hiện từ tháng 7/2011 đến tháng 12/2012 cụ thể như sau:

a) Các gói thầu đang triển khai thi công

1/ Gói thầu số 01-XL: Nhà máy xử lý nước, 04 trạm bơm cấp 1 và đường ống nước thô

1.1 Thời gian thực hiện:

- Ngày khởi công: Ngày 24/02/2012
- Ngày hoàn thành: Ngày 24/6/2013
- Đã hoàn thành hạng mục: Đắp đất mặt bằng, ép cọc gia cố nền, phân xây dựng tường rào, nhà hành chính, nhà ở nhân viên, nhà kho xưởng, nhà hóa chất, nhà bảo vệ, trạm bơm giếng G1, G2, G3, G4; trạm bơm cấp II, bể chứa nước sạch 1.000 m³, bể lọc, bể lắng, 02 hồ lắng bùn, khoan kết cấu 04 giếng khoan, và đường ống nước thô;
- Đang tiếp tục thi công các hạng mục: Lắp đặt đường ống kỹ thuật cụm xử lý, hoàn thiện các bể chứa, bể lọc, bể lắng, hệ thống điện chiếu sáng, sơn hoàn thiện các nhà và tường rào.
- Các hạng mục chưa thực hiện: Đường ống kỹ thuật thoát nước, nhà xe và đường nội bộ nhà máy.

1.2 Nhận xét chung:

- Tiến độ thực hiện: Đạt tiến độ so với hợp đồng;
- Giá trị khối lượng hoàn thành đạt khoảng 70% giá trị hợp đồng.
- Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cần đẩy nhanh tiến độ hơn nữa để sớm hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.

2/ Gói thầu số 02-XL: Trạm bơm tăng áp

- Thời gian thực hiện:
- Ngày khởi công: Ngày 15/02/2012
- Ngày hoàn thành: Ngày 15/02/2013
- Gói thầu cơ bản đã hoàn thành, nhà thầu đang thực hiện công tác hoàn thiện các hạng mục gói thầu, lập hồ sơ hoàn công, nghiệm thu kỹ thuật hoàn thành, bàn giao công trình cho chủ đầu tư.

3/ Gói thầu số 10-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Cát Hưng (phần khối lượng còn lại)

3.1 Thời gian thực hiện:

- Ngày khởi công: Ngày 28/11/2012
- Ngày hoàn thành: Ngày 28/3/2013

3.2 Nhận xét chung:

- Đã thi công hoàn thành các tuyến ống nhựa uPVC từ D50 đến D250 và ép cọc bê tông đỡ ống qua mương;
- Hiện đang triển khai thi công các đoạn ống thép qua mương, xây đúc các hố van và thử áp lực các tuyến ống.
- Tiến độ thực hiện: Vượt tiến độ so với hợp đồng;
- Giá trị khối lượng hoàn thành đạt khoảng 65% giá trị hợp đồng.

b) Các gói thầu thi công xây dựng và mua sắm thiết bị đã hoàn thành:

1. Gói thầu số 03-XL: Tuyến ống truyền tải (đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng ngày 20/7/2012);
2. Gói thầu số 04-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Cát Thắng, huyện Phù Cát (đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng ngày 20/7/2012);
3. Gói thầu số 05-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Cát Chánh, huyện Phù Cát (đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng ngày 14/12/2012);
4. Gói thầu số 06-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Cát Tiến, huyện Phù Cát (đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng ngày 14/12/2012);
5. Gói thầu số 07-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước (đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng ngày 20/7/2012);
6. Gói thầu số 08-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước (đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng ngày 20/7/2012);
7. Gói thầu số 11-XL: Tuyến truyền tải điện 22kV, trạm biến áp, đường dây 0,4kV (Nhà máy xử lý nước và trạm bơm tăng áp) (đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng ngày 14/12/2012);

8. Gói thầu số 09-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát (đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng ngày 14/12/2012);

9. Gói thầu số 03-HH: Đồng hồ đo nước và phụ kiện vào hộ gia đình (đã nghiệm thu hàng hóa vào ngày 18/4/2012).

c) Gói thầu đã tổ chức đấu thầu:

Gói thầu số 02a-HH: Mua sắm thiết bị, hệ thống điện điều khiển (nhà máy xử lý nước, 4 trạm bơm cấp I, trạm bơm tăng áp)

Ban Quản lý dự án Cấp nước sinh hoạt Phù Cát đã tổ chức đấu thầu và lựa chọn nhà thầu, trình kết quả đánh giá HSDT Ban Quản lý dự án tỉnh và nhà tài trợ (BTC) xin ý kiến không để thực hiện các bước tiếp theo.

1.2 Giá trị khối lượng thực hiện theo tiến độ thực hiện hợp đồng:

STT	Nội dung	Giá trị hợp đồng (đồng)	Giá trị thực hiện (đồng)	Ghi chú
I	Các gói thầu đã hoàn thành	52.803.690.000	50.588.723.000	
1	Số 03-XL: Tuyến ống truyền tải	5.143.126.000	5.045.751.000	Hoàn thành
2	Số 04-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Cát Thắng, huyện Phù Cát	6.224.194.000	6.034.004.000	Hoàn thành
3	Số 05-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Cát Chánh, huyện Phù Cát	9.711.212.000	9.193.949.000	Hoàn thành
4	Số 06-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Cát Tiến, huyện Phù Cát	5.275.660.000	4.787.705.000	Hoàn thành
5	Số 07-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước	3.535.096.000	3.252.764.000	Hoàn thành
6	Số 08-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước	4.983.948.000	4.573.723.000	Hoàn thành
7	Số 11-XL: Tuyến truyền tải điện 22kV, trạm biến áp, đường dây 0,4kV (Nhà máy xử lý nước, 04 giếng khai thác và trạm bơm tăng áp)	1.182.753.000	1.111.426.000	Hoàn thành
8	Số 03-HH: Đồng hồ nước và phụ kiện vào hộ gia đình	8.613.919.000	8.613.916.000	Hoàn thành
9	Số 09-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát	8.133.782.000	7.975.485.000	Hoàn thành
II	Các gói thầu đang thực hiện	41.008.403.000	22.705.966.010	
1	Số 01-XL: Nhà máy xử lý nước, 04 trạm bơm cấp 1 và đường ống nước thô.	18.049.923.000	12.634.946.100	Đang thực hiện
2	Số 02-XL: Trạm bơm tăng áp	4.422.712.000	4.334.257.760	Đang thực hiện
3	Số 10-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Cát Hưng, huyện Phù Cát	6.163.238.000	4.543.784.150	Đang thực hiện
4	Số 02a-HH: Mua sắm thiết bị, hệ thống điện điều khiển (Nhà máy xử lý nước, 04 trạm bơm cấp 1, trạm bơm tăng áp)	9.527.865.000		Chưa thực hiện
5	Số 01-TVGS: Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình	1.634.989.000	951.679.000	Đang thực hiện
6	Số 01-HH: Bảo hiểm công trình	554.440.000	241.299.000	Đang thực hiện
	Tổng cộng	93.812.093.000	73.294.689.010	

1.3. Tình hình quản lý vốn và tổng hợp kết quả giải ngân:

- Tổng số vốn đã bố trí cho dự án đến năm 2012 là:

+ Vốn Chính phủ Vương quốc Bỉ tài trợ:	32.196.235.000 đồng
+ Vốn ngân sách đối ứng:	<u>8.867.000.000 đồng</u>
Tổng cộng:	41.063.235.000 đồng

- Tổng giá trị đã giải ngân đến thời điểm báo cáo:

+ Vốn Chính phủ Vương quốc Bỉ tài trợ:	54.060.699.000 đồng
+ Vốn ngân sách đối ứng:	<u>17.389.418.000 đồng</u>
Tổng cộng:	71.450.416.000 đồng

1.4. Chất lượng công việc đạt được: Đảm bảo theo yêu cầu đề án thiết kế được duyệt, tuân thủ quy trình, quy phạm hiện hành của Nhà nước về quản lý chất lượng công trình.

1.5. Các chi phí liên quan đến dự án:

Tổng mức đầu tư : **116.985.800.000 đồng**

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng:	86.065.500.000 đồng
+ Chi phí thiết bị:	5.460.600.000 đồng
+ Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	2.000.000.000 đồng
+ Chi phí Quản lý dự án:	1.529.700.000 đồng
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	4.129.400.000 đồng
+ Chi phí khác:	1.333.000.000 đồng
+ Chi phí xây dựng dân đóng góp:	6.014.300.000 đồng
+ Chi phí dự phòng:	10.453.300.000 đồng

1.6. Các biện động liên quan đến quá trình thực hiện dự án:

- Chính sách tiền lương tối thiểu thay đổi.
- Vốn ngân sách đối ứng bố trí cho dự án còn hạn chế, không đủ để giải ngân khối lượng hoàn thành các gói thầu thuộc dự án.

2. Công tác quản lý dự án:

2.1. Kế hoạch triển khai thực hiện tổng thể: Kế hoạch triển khai đầu tư xây dựng dự án từ quý I/2011 đến quý IV/ 2013

2.2. Kế hoạch chi tiết các nội dung quản lý thực hiện dự án :

- Tổ chức triển khai thi công gói thầu:

TT	Nội dung chi phí	Thời gian thực hiện theo hợp đồng	
		Khởi công	Hoàn thành
I	Xây lắp + Thiết bị		
	<i>Xây lắp</i>		
1	Gói thầu số 01-XL: Nhà máy xử lý nước, 4 trạm bơm cấp 1 và đường ống nước thô	24/2/2012	24/6/2013
2	Gói thầu số 02-XL: Trạm bơm tăng áp	15/2/2012	15/2/2013
3	Gói thầu số 03-XL: Tuyến ống truyền tải	15/07/2011	15/12/2011
4	Gói thầu số 04-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Cát Thắng, huyện Phù Cát	16/07/2011	16/04/2012
5	Gói thầu số 05-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Cát Chánh, huyện Phù Cát	17/08/2011	30/08/2012
6	Gói thầu số 06-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Cát Tiến, huyện Phù Cát	10/08/2011	15/10/2012
7	Gói thầu số 07-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước	15/07/2011	15/11/2011
8	Gói thầu số 08-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước	15/07/2011	15/02/2012
9	Gói thầu số 09-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát	05/11/2011	01/11/2012
10	Gói thầu số 10-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch Cát Hưng, huyện Phù Cát	15/07/2011	15/02/2012
11	Gói thầu số 11-XL: Tuyến truyền tải điện 22kV, trạm biến áp, đường dây 0,4kV (Nhà máy xử lý nước, 04 giếng khai thác và trạm bơm tăng áp)	28/07/2011	28/12/2011
II	Thiết bị		
1	Gói thầu số 02a-HH: Mua sắm thiết bị, hệ thống điện điều khiển(Nhà máy xử lý nước, 04 trạm bơm cấp 1, trạm bơm tăng áp)	Chưa thực hiện hợp đồng	
2	Gói thầu số 03-HH: Đồng hồ đo nước, phụ kiện vào hộ gia đình	15/12/2011	15/04/2012
3	Số 01-HH: Bảo hiểm công trình		
III	Tư vấn		
1	Giám sát thi công xây dựng+thiết bị	05/07/2011	05/04/2013

- Tổ chức thực hiện công tác giám sát chất lượng công trình: Do đơn vị tư vấn giám sát độc lập thực hiện.

2.3. Kết quả đạt được so với kế hoạch đề ra và điều chỉnh kế hoạch thực hiện cho phù hợp với yêu cầu: Nhìn chung tiến độ thực hiện của dự án đảm bảo đúng theo kế hoạch đã được phê duyệt, dự kiến dự án sẽ hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng trong tháng 6/2013.

2.4. Công tác đảm bảo chất lượng và hiệu lực quản lý dự án:

Công tác quản lý chất lượng được thực hiện thường xuyên, có hệ thống, tuân thủ các quy trình, quy phạm, đạt yêu cầu. Đơn vị Tư vấn độc lập được chủ đầu tư

lựa chọn và cán bộ kỹ thuật của BQLDA thực hiện công tác giám sát ngay từ khi bắt đầu triển khai. Ngoài ra còn có bộ phận giám sát tác giả của đơn vị tư vấn thiết kế, địa phương vùng dự án và sự kiểm tra, chỉ đạo kịp thời của Chủ đầu tư.

Nhìn chung, các nhà thầu đã tích cực triển khai thi công, đẩy nhanh tiến độ đáp ứng theo yêu cầu, đảm bảo hoàn thành dự án trước kế hoạch đề ra.

Công tác quản lý dự án đã phát huy được hiệu lực, đảm bảo tính hiệu quả của dự án đầu tư.

3. Tình hình xử lý, phản hồi thông tin:

3.1. Việc đảm bảo thông tin báo cáo: Hàng tháng Trung tâm Nước sạch & VSMTNT có báo cáo tiến độ thực hiện dự án cho Ban Quản lý dự án tỉnh và nhà tài trợ. Thông tin báo cáo bảo đảm tính trung thực, chính xác, kịp thời. Phản ánh đúng thực tế quá trình thi công để các cấp thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

3.2. Xử lý thông tin báo cáo: Việc xử lý các thông tin báo cáo và phản hồi kịp thời kể từ khi nhận được báo cáo của các nhà thầu hoặc chính quyền địa phương trong vùng dự án, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi công của các nhà thầu thực hiện dự án.

3.3. Kết quả giải quyết các vướng mắc, phát sinh: Các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện đã được chủ đầu tư và chính quyền địa phương kịp thời giải quyết, đảm bảo tiến độ và chất lượng trong quá trình thực hiện dự án.

II. Chủ đầu tư tự đánh giá, nhận xét về dự án:

1. Tình hình thực hiện dự án: Dự án triển khai theo đúng kế hoạch.

2. Công tác quản lý dự án: Theo dõi và kiểm soát kịp thời tiến độ thực hiện dự án.

3. Tình hình xử lý, phản hồi thông tin: Kịp thời

III. Kiến nghị:

- Vốn ngân sách đối ứng năm 2012 còn thiếu, không đủ giải ngân khối lượng thực hiện hoàn thành của các gói thầu là: 4.860.208.000 đồng. Đề nghị cấp có thẩm quyền bố trí vốn ngân sách đối ứng cho dự án, để giải ngân khối lượng hoàn thành và thanh quyết toán dự án trong năm 2013.

Trung tâm Nước sạch & VSMTNT kính báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện dự án đầu tư công trình Cấp nước sinh hoạt huyện Phù Cát năm 2012. Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, chỉ đạo./.

(Kèm theo các phụ biểu: 08, 09, 10)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở KH&ĐT (báo cáo);
- Lưu HC.

GIÁM ĐỐC

Hồ Đắc Chương

Phụ biểu 08: Tiến độ Thực hiện đấu thầu năm 2012
Công trình: Cấp nước sinh hoạt huyện Phù Cát

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Hình thức đấu thầu	Phong thức đấu thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Thời gian thực hiện đấu thầu		Kết quả đấu thầu			
							Kế hoạch	Thực tế	Giá dự thầu	Giá trúng thầu	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)	Nhà thầu trúng thầu
1-	Số 10-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Cát Hưng (phần khối lượng còn lại)	3.489.418	Đấu thầu hạn chế	01 túi hồ sơ	Hợp đồng theo đơn giá cố định	4 tháng	Tháng 9/2012	Tháng 9/2012	4.627.011	4.627.011	0	Công ty cổ phần Trường Nam
2-	Số 02a-HH: Mua sắm thiết bị, hệ thống điện điều khiển (Nhà máy xử lý nước, 04 trạm bơm cấp 1, trạm bơm tăng áp)	10.183.101	Đấu thầu rộng rãi trong nước	01 túi hồ sơ	Hợp đồng theo đơn giá cố định	8 tháng	Quý III-IV/2012	Quý IV/2012	9.527.865	Đang chờ thư không phản đối nhà tài trợ		
Tổng cộng		13.672.519							14.154.876			

Bình Định, Ngày 29 tháng 01 năm 2013
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

**Phụ biểu 09: Tiến độ Thực hiện hợp đồng
Công trình: Cấp nước sinh hoạt huyện Phù Cát**

STT	Tên gói thầu	Số hợp đồng	Tên nhà thầu	Ngày ký hợp đồng	Hợp đồng ban đầu		Hợp đồng điều chỉnh		Ngày hoàn thành thực tế	Khối lượng công việc đã thực hiện (%)		Giá trị đã thanh toán			
					Giá trị HĐ	Ngày hoàn thành	Giá trị HĐ	Ngày hoàn thành		Thời điểm báo cáo	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi ký HĐ đến cuối năm 2011	Thời điểm báo cáo	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi ký hợp đồng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Số 01-XL: Nhà máy xử lý nước, 04 trạm bơm cấp 1 và đường ống nước thô.	13/HĐX L-PC	DNTN Nam Ngân	24/08/2011	17.694.370	24/09/2011	18.049.923	Đang thực hiện		75%	75%	0	11.195.408	11.195.408	11.195.408
2	Số 02-XL: Trạm bơm tăng áp	12/HĐX L-PC	Công ty CP Xây dựng Bình Định	29/11/2011	4.274.144	31/12/2013	4.334.257	Đang thực hiện		98%	98%	0	3.640.998	3.640.998	3.640.998
3	Số 03-XL: Tuyến ống truyền tải	03/HĐX L-PC	LD Công ty TNHH Thiên Ân và Công ty TNHH Đức Thịnh	15/07/2011	5.143.126	15/12/2011	5.045.751	15/12/2011	15/12/2011	100%	100%	4.295.745	498.336	498.336	4.794.081
4	Số 04-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Cát Thắng, huyện Phù Cát	07/HĐX L-PC	Công ty CPXD Cấp thoát nước số 12	16/07/2011	6.224.194	16/04/2012	6.034.004	16/04/2012	16/04/2012	100%	100%	4.427.150	1.295.325	1.295.325	5.722.475

5	Số 05-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Cát Chánh, huyện Phù Cát	09/HĐX L-PC	LD Công ty TNHH XD Tân Thành và DNTN XD Hồng Châu	17/08/2011	9.711.213	30/08/2012	9.193.949	30/08/ 2012	30/08 /2012	100%	100%	6.582.994	2.124.587	2.124.587	8.707.581
6	Số 06-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Cát Tiền, huyện Phù Cát	08/HĐX L-PC	LD Công ty TNHH XD Tiên Tân và Công ty TNHH XD và PTHT Nguyễn Hưng	10/08/2011	5.275.660	10/03/2012	4.787.705	15/10/ 2011	15/10 /2011	100%	100%	3.360.273	1.163.146	1.163.146	4.523.419
7	Số 07-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước	03/HĐX L-PC	Công ty TNHH Đình Phát	15/07/2011	3.535.096	15/11/2011	3.252.764	15/07/ 2011	15/07 /2011	100%	100%	3.000.000	100.563	100.563	3.100.563
8	Số 08-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước	05/HĐX L-PC	Công ty CP Trường Nam	15/07/2011	4.983.948	15/02/2012	4.573.723	15/07/ 2011	15/07 /2011	100%	100%	3.339.818	979.913	979.913	4.319.731
9	Số 09-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát	10/HĐX L-PC	LD Công ty CPXL An Nhơn, Công ty CP Đông Hưng Gia Lai	05/11/2011	8.133.782	05/11/2011	7.975.485	05/11/ 2011	05/11 /2011	100%	100%	4.039.228	2.214.102	2.214.102	6.253.330

10	Số 10-XL: Hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Cát Hưng, huyện Phù Cát	14/HĐX L-PC	Công ty CP Trường Nam	15/07/2011	6.163.238	15/02/2012	6.163.238	Đang thực hiện		65%	65%	1.536.227	2.502.187	2.502.187	4.038.414
11	Số 11-XL: Tuyến truyền tải điện 22kV, trạm biến áp, đường dây 0,4kV (Nhà máy xử lý nước, 04 giếng khai thác và trạm bơm tăng áp	02/HĐX L-PC	Công ty TNHH Xuân Quý	28/07/2011	1.182.753	28/12/2011	1.111.426	28/12/ 2011	28/12 /2011	100%	100%	642.019	410.270	410.270	1.052.289
12	Số 03-HH: Đồng hồ nước và phụ kiện vào hộ gia đình	11/HĐX L-PC	Công ty TNHH TM-VT Việt Hồng Hà	15/12/2011	8.613.919	15/04/2012	8.613.916	15/04/ 2012	15/04 /2012	100%	100%	4.349.188	3.706.855	3.706.855	8.056.043
14	Gói thầu : Tư vấn khảo sát thiết kế chi tiết, tổng dự toán và dự hạng mục công trình	28/HĐT V	Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn kỹ thuật môi trường (ENCOR);	25/11/2009	1.943.204	20/05/2010	1.943.204	30/11/ 2009	20/05 /2010	100%	100%	1.943.204	0	0	1.943.204
15	Số 01- TVGS: Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình	01/HĐX L-PC	Công ty CPĐTPT Nước và Môi trường Đại Việt	05/07/2011	1.634.989	05/04/2013	1.634.989	Đang thực hiện		80%	80%	682.337	269.342	269.342	951.679
16	Số 01-HH: Bảo hiểm công trình	BD1.D6. CAR.11	Công ty Bảo Việt Bình Định	29/07/2011	241.299	24/06/2013	241.299	Đang thực hiện		80%	80%	139.676	101.623	101.623	241.299
Tổng cộng					84.754.935		82.955.633					38.337.859	30.202.655	30.202.655	68.540.514

**Phụ biểu 10: Tổng hợp hình thức thực hiện, thanh toán vốn đầu tư
Công trình: Cấp nước sinh hoạt huyện Phù Cát**

STT	Diễn giải nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2012	Giá trị khối lượng thực hiện tại hiện trường		Giá trị khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu		Vốn đã được thanh toán (tạm ứng + thanh toán khối lượng hoàn thành)				Giá trị khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu nhưng chưa được thanh toán	
			Trong kỳ báo cáo	Lũy kế từ khởi công	Trong kỳ báo cáo	Lũy kế từ khởi công	Trong kỳ báo cáo		Lũy kế từ khởi công		Trong kỳ báo cáo	Lũy kế từ khởi công
							Tổng số	Vốn tạm ứng	Tổng số	Vốn tạm ứng		
1	Tổng số	41.063.235	38.869.327	77.178.653	54.701.463	54.701.463	30.729.655	0	71.356.499	0	4.860.208	4.860.208
2	Vốn nhà nước	8.867.000	17.006.672	22.000.539	19.185.421	19.185.421	8.867.000	0	17.295.800	0	4.860.208	4.860.208
3	Vốn Bi	32.196.235	21.862.655	55.178.114	35.516.042	35.516.042	21.862.655	0	54.060.699	0	0	0
-	Xây lắp		29.753.788	65.136.559	45.585.924	42.659.369	22.044.989	0	59.745.278	0	4.429.335	4.429.335
-	Thiết bị		8.613.916	8.613.916	8.613.916	8.613.916	8.183.043	0	8.183.043	0	430.873	430.873
-	Chi phí khác		501.623	3.428.178	501.623	3.428.178	501.623	0	3.428.178	0	0	0
-	Đền bù		0	1.232.544	0	1.232.544	0	0	1.232.544	0	0	0

Bình Định, Ngày 29 tháng 01 năm 2013

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(ký tên, đóng dấu)

Mẫu thông tin về dự án

1. Tên dự án: Cấp nước sinh hoạt huyện Phù Cát
2. Chủ đầu tư: Trung tâm Nước sạch và VSMTNT Bình Định.
3. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Viện khoa học Thủy lợi Việt Nam.

5. Mục tiêu chính của dự án:

Cung cấp nước sinh hoạt đảm bảo tiêu chuẩn nước sinh hoạt nông thôn cho toàn vùng hưởng lợi dự án (trong cả mùa lũ và mùa kiệt) với số dân là 84.375 người đến năm 2020 cùng các công trình công cộng gồm: UBND xã, nhà văn hoá, chợ, các trường học trên địa bàn, các cụm Y tế xã.

Vùng hưởng lợi của dự án bao gồm toàn bộ các thôn của xã Phước Thắng, Phước Hoà (huyện Tuy Phước); Cát Thắng, Cát Chánh, Cát Tiến, Cát Nhơn và xã Cát Hưng (huyện Phù Cát).

4. Qui mô, công suất:

- Nguồn khai thác: Khai thác nước ngầm tại thôn Đại Hào, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát công suất $7.000\text{m}^3/\text{ngày}$

- Hình thức xử lý: Xử lý nước tập trung, công suất khu xử lý nhà máy $5.600\text{m}^3/\text{ngày}$;

- Hệ thống dẫn nước cấp: Đường ống đủ áp lực theo tiêu chuẩn hiện hành, dẫn nước đến cụm dân cư và hộ gia đình, đến trường học, trạm xá, UBND xã, chợ và các công trình công cộng;

- Các hạng mục chính của dự án:

a) Trạm bơm cấp I, tuyến ống nước thô

* Giếng và trạm bơm giếng

Xây dựng 4 trạm bơm giếng, bao gồm 3 giếng có công suất là $100\text{m}^3/\text{giờ}$ và 1 giếng có công suất $50\text{m}^3/\text{giờ}$, 4 giếng hoạt động luân phiên nhau.

Cấu tạo của các giếng như sau:

- Giếng G1: chiều sâu giếng là 21m, chiều sâu lấy nước là -11,0m – -20,0m. Đường kính lỗ khoan là 0,55m, đường kính ống chống giếng là D340. Bệ giếng được tráng xi măng bảo vệ.

- Giếng G2: chiều sâu giếng là 18m, chiều sâu lấy nước là -8,5m – -17,5m. Đường kính lỗ khoan là 0,55m, đường kính ống chống giếng là D340. Bệ giếng được tráng xi măng bảo vệ.

- Giếng G3: chiều sâu giếng là 17m, chiều sâu lấy nước là -10,0m – -16,0m. Đường kính lỗ khoan là 0,55m, đường kính ống chống giếng là D340. Bệ giếng được tráng xi măng bảo vệ.

- Giếng G4: chiều sâu giếng là 9,3m, chiều sâu lấy nước là -2,5m – -8,5m. Đường kính lỗ khoan là 0,55m, đường kính ống chống giếng là D340. Bệ giếng được tráng xi măng bảo vệ.

Mỗi trạm bơm giếng bao gồm:

- Nhà điều khiển: kết cấu trụ, giằng, sàn mái bằng bê tông cốt thép; tường xây gạch có kích thước 3m x 3m và hệ thống đường ống kỹ thuật.

** Tuyến ống nước thô*

Tuyến ống chuyên tải nước thô từ các trạm bơm giếng về trạm xử lý L=900m với Q = 5.600 m³/ngày loại ống nhựa uPVC D150 - D300 mm các đoạn qua đê bằng ống gang.

b. Nhà máy xử lý nước

** Thùng làm thoáng*

Diện tích làm thoáng là 7,6m², được chia làm 2 thùng đường kính 2,2m chiều cao 3m, kết cấu bằng thép không rỉ. Tháp làm việc theo sơ đồ gió nước đi ngược chiều, việc cấp gió nhờ quạt đặt phía dưới tháp. Cường độ cấp gió là 15m³ gió/1m³ nước. Lưu lượng mỗi quạt là 1750m³/ giờ.

** Bể lắng*

Bể lắng kết cấu bê tông cốt thép M300, phần nền móng được gia cố bằng cọc BTCT M300, diện tích lắng 70 m² chia làm 2 ngăn, diện tích mỗi ngăn: 35 m², kích thước mỗi ngăn : 9m x 4m x 5,5m, và 01 ngăn chứa ép cặn 33 m², kích thước ngăn ép cặn 9m x 3.6m x 5,5m

** Bể lọc*

Bể lọc kết cấu bê tông cốt thép M300, phần nền móng được gia cố bằng cọc BTCT M300, diện tích bể lọc nhanh 46.8 m², chia làm 3 ngăn lọc, mỗi ngăn 17,28m², kích thước mỗi ngăn 4,8m x 3,6 m x 4.35m, hệ thống đường ống kỹ thuật.

** Bể chứa nước sạch*

Bể chứa kết cấu bê tông cốt thép M300, phần nền móng gia cố bằng cọc BTCT M300, được xây dựng theo dạng nửa chìm nửa nổi, kích thước bể: 24m x 16m x 3m. Dung tích của bể 1.000m³.

** Trạm bơm*

Trạm bơm cấp II xây dựng kết hợp với nhà đặt máy phát điện dự phòng, kết cấu: trụ, giằng, sàn mái bằng bê tông cốt thép; tường xây gạch, phần nền móng được gia cố bằng cọc BTCT M300; diện tích xây dựng 23m x 6m bao gồm:

+ Phòng điều khiển máy bơm có kích thước: 4m x 6m, đặt 01 tủ điều khiển bơm tự động trạm bơm cấp II và 04 tủ điều khiển trạm bơm cấp I;

+ Phòng đặt các bơm cấp 2 và bơm rửa lọc, kích thước nhà là 11m x 6m, được xây nửa chìm nửa nổi; đặt 03 máy bơm cấp II có thông số kỹ thuật là: Q = 170 m³/h, H=40m; 02 bơm rửa lọc có Q=190m³/h áp lực bơm : H = 12m;

+ Phòng đặt máy quạt gió và sửa chữa bơm, có kích thước 4m x 6m, 01 máy quạt gió Q=900m³/h, áp lực bơm : H = 5m.

+ Phòng đặt máy phát điện dự phòng kích thước 4,1m x 6,2m, đặt 01 máy phát điện dự phòng công suất phát điện 3P/380/300 KVA.

** Nhà hóa chất*

Nhà hoá chất kết cấu: trụ, giằng, sàn mái bằng bê tông cốt thép; tường xây gạch, có diện tích xây dựng 17,6m x 7,6 m bao gồm:

+ Phòng Clo có kích thước 9,2m x 7,6 m, đặt 04 bình Clo loại 900 kg và hệ thống châm Clo tự động;

+ Phòng chứa Sôđa diện tích 5,2m x 7,6m, trong phòng xây dựng 02 bể hòa trộn sôđa, 02 máy khuấy hóa chất, 02 bơm định lượng công suất $Q= 500l/h$, $H=35-40m$;

** Nhà hành chính*

Nhà hành chính kết cấu: trụ, giằng, sàn mái bằng bê tông cốt thép; tường xây gạch, diện tích xây dựng 18m x 7,5m, được chia các phòng chức năng: Phòng Giám đốc; phòng phó Giám đốc, phòng hành chính; phòng Kỹ thuật và khu vệ sinh;

** Nhà ở nhân viên:*

Nhà ở nhân viên kết cấu: trụ, giằng, sàn mái bằng bê tông cốt thép; tường xây gạch, diện tích xây dựng 17m x 6m được chia các phòng chức năng: Phòng thí nghiệm, phòng ở nhân viên, phòng ăn và khu vệ sinh;

** Nhà kho xưởng*

Nhà kho xưởng: kết cấu trụ, giằng, sàn mái bằng bê tông cốt thép; tường xây gạch, diện tích xây dựng 10m x 6m, được chia làm 2 phòng để chứa vật tư, thiết bị nhà máy;

** Nhà bảo vệ*

Nhà bảo vệ kết cấu: trụ, giằng, sàn mái bằng bê tông cốt thép; tường xây gạch có diện tích xây dựng 4,5m x 4m;

** Sàn nền thoát nước*

Để tránh ngập lũ khu xử lý, chiều cao sàn nền từ cao trình +3.8 đến cao trình +5,2; diện tích sàn nền 7.039 m²;

Hệ thống thoát nước mưa của khu vực nhà máy là các ống BTLT D400 và D600, được lắp đặt dọc theo đường nội bộ và xả ra mương nước trước nhà máy.

** Hồ lắng bùn*

Hồ lắng, phơi bùn được xây dựng để lắng cặn trong nước xả từ bể lắng và bể lọc, trước khi xả ra sông. Bùn cặn trong nước xả sẽ lắng lại trong hồ và định kỳ được tháo cạn, phơi khô ráo bùn trước khi được nạo vét chuyên chở đến bãi thải. Hai hồ làm việc luân phiên, mỗi hồ chứa lượng nước xả cặn trong một tháng.

Làm 2 hồ lắng phơi bùn, chiều sâu phần chứa bùn của hồ là 2,5 m, kích thước xây dựng của mỗi hồ lắng phơi bùn là: 40 m x 11 m.

** Tường rào, cổng ngõ*

Tường rào có tổng chiều dài $L= 343m$; trụ, giằng kết cấu bằng bê tông cốt thép M200, tường mặt trước xây gạch kết hợp khung sắt hộp, 3 mặt còn lại xây gạch bên trên có chông thép bảo vệ

C. Trạm bơm tăng áp

** Bể chứa*

Bể chứa kết cấu bê tông cốt thép M300, được xây nổi hoàn toàn. Kích thước của bể: 14m x 14m x 3m, dung tích của bể 600m³.

** Nhà trạm bơm tăng áp*

Nhà trạm bơm kết cấu: trụ, giằng, sàn mái bằng bê tông cốt thép; tường xây gạch, kích thước nhà trạm bơm: 11,4m x 4,4m, nhà trạm bơm xây nổi, được chia làm 2 phòng: phòng đặt tủ điện điều khiển tự động và phòng đặt 03 bơm tăng áp có thông số kỹ thuật: Q= 80m³/giờ, H= 40m.

** Nhà hành chính*

Nhà hành chính kết cấu: trụ, giằng, sàn mái bằng bê tông cốt thép; tường xây gạch, Diện tích xây dựng : 17m x 6m, được chia các phòng chức năng: Phòng làm việc, phòng ơ nhân viên và khu vệ sinh.

** Nhà Clo*

Nhà Clo: kết cấu trụ, giằng, sàn mái bằng bê tông cốt thép; tường xây gạch, Diện tích xây dựng: 9,2m x 6,2m được chia làm 02 phòng: 01 phòng đặt 03 bình Clo loại 500 kg/bình và 01 phòng đặt hệ thống điều khiển châm Clo tự động và một bơm tiếp áp có thông số kỹ thuật 1m³/h, H= 40m.

** Nhà máy phát điện*

Nhà máy phát điện: kết cấu trụ, giằng, sàn mái bằng bê tông cốt thép; tường xây gạch. Diện tích xây dựng: 4,6m x 4,6m; đặt 01 máy phát điện dự phòng công suất phát điện 3P/380/100 KVA.

** San nền và thoát nước*

Để tránh ngập lũ khu tăng áp, chiều cao san nền từ cao trình +0.4 lên cao trình +2,5, diện tích san nền 2.882 m²;

Hệ thống thoát nước mưa của khu vực trạm tăng áp là các ống BTLT D400, được lắp đặt dọc theo đường nội bộ và xả ra mương phía sau trạm bơm tăng áp.

** Tường rào, cổng ngõ*

- Tường rào có tổng chiều dài L= 208m; trụ, giằng kết cấu bằng bê tông cốt thép M200, tường mặt trước xây gạch kết hợp khung sắt hộp, 3 mặt còn lại xây gạch bên trên có chông thép;

d) Hệ thống điện điều khiển, điện chiếu sáng

* Hệ thống điện điều khiển, điện chiếu sáng Nhà máy xử lý, 04 trạm bơm cấp I;

* Hệ thống điện điều khiển, điện chiếu sáng Trạm bơm tăng áp.

đ) Tuyến truyền tải điện 22 kV, trạm biến áp, đường dây 0,4kV

** Nhà máy xử lý:*

Xây dựng mới 0,06km đường dây 22kV và 01 TBA 250 kVA – 22/0,4.

** Trạm bơm tăng áp*

Xây dựng mới 0,06km đường dây 22kV và 01 TBA 50 kVA – 22/0,4.

Kết cấu TBA: kiểu treo ngoài trời;

Cột bê tông ly tâm, xà thép hình mạ kẽm.

e). Hệ thống đường ống

Tổng chiều dài hệ thống đường ống cấp nước sạch $L = 189.966\text{m}$, được xây dựng trên 7 xã trong vùng dự án và 01 tuyến ống truyền tải từ Nhà máy xử lý nước đến Trạm bơm tăng áp; trên hệ thống đường ống còn có bố trí hệ thống hồ van điều tiết, hồ van xả căn, hồ van xả khí.

5. Địa điểm xây dựng dự án: Huyện Phù Cát, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

6. Diện tích sử dụng đất: **11.078 m²**.

7. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

8. Các mốc thời gian về dự án:

- Ngày phê duyệt dự án: 20/02/2008

- Ngày phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư: 13/10/2010

- Thời gian thực hiện dự án: 2011-2013

9. Tổng mức đầu tư: **116.985.800.000 đồng**

10. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn nước ngoài: Vốn viện trợ không hoàn lại của Vương quốc Bỉ theo Hiệp định cụ thể giữa Chính phủ Vương quốc Bỉ và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về hợp tác “Cấp nước và Vệ sinh tại tỉnh Bình Định”, ngày 05/12/2008.

- Vốn đối ứng trong nước: Vốn đối ứng ODA, vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, vốn ngân sách tỉnh, vốn ngân sách các huyện hưởng lợi Phù Cát, Tuy Phước (mức vốn đối ứng đóng góp cho dự án của từng huyện thực hiện theo Quyết định số 103/QĐ-UBND, ngày 03/3/2010 của UBND tỉnh).